

**THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá số 02/HĐ-DVĐGTS ngày 10/04/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước thông báo đấu giá như sau:

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đồng Xoài.

Địa chỉ: đường 9/6, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

3. Tên tài sản và nơi có tài sản

a) *Tài sản đấu giá:* 24 thửa (lô) đất gồm: Cụm M1-4 (gồm 01 thửa); Cụm M1-2 (gồm 06 thửa); Cụm N4-5 (gồm 14 thửa); Cụm N4-4 (gồm 03 thửa) (Có danh sách chi tiết kèm theo)

- Tổng diện tích 24 lô: 3.843,4 m²

- Loại đất: Đất ở đô thị

- Hạ tầng kỹ thuật: Các thửa (lô) đất đấu giá này đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; Được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Cổng thông tin đấu giá quyền sử dụng đất quốc gia.

b) *Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:*

- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 07/03/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài Về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất 24 thửa (lô) đất Cụm M1-2; Cụm M1-4; Cụm N4-4 và Cụm N4-5, Khu Trung tâm hành chính thành phố, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.;

- Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 20/03/2025 của UBND thành phố Đồng Xoài về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 24 thửa (lô) đất Cụm M1-2; Cụm M1-4; Cụm N4-4 và Cụm N4-5, Khu Trung tâm hành chính thành phố, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Về việc đấu giá quyền sử dụng đất đối với 24 thửa (lô) đất Cụm M1-2; Cụm M1-4; Cụm N4-4 và Cụm N4-5, Khu Trung tâm hành chính thành phố, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.



c) *Nơi có tài sản:* Khu TTHC, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

4. Giá khởi điểm: 31.111.236.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm mười một triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng)

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

a) *Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* Từ 07 giờ 30 phút ngày **11/04/2025**

b) *Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* 17 giờ 00 phút ngày **29/04/2025**

c) *Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:* Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

a) *Thời gian xem tài sản:* Từ ngày **21/04/2025** đến ngày **24/04/2025** (Trong giờ hành chính)

b) *Địa điểm xem tài sản:* Tại nơi có tài sản. Khách hàng liên hệ bà Phạm Thị Phương Hằng (SĐT: 0961121345) để được hướng dẫn xem tài sản.

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) *Thời gian đăng ký:* Từ 07 giờ 30 phút ngày **11/04/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **29/04/2025**

b) *Địa điểm đăng ký:* tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

c) *Điều kiện đăng ký:* Mọi cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Một người tham gia đấu giá không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản.

- Một người không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

d) *Cách thức đăng ký:*

- Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

+ Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

- Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước

- Văn bản cam kết xem tài sản.

- Khách hàng đăng ký tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước theo quy định.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

a) Thời gian tổ chức phiên đấu giá: **09 giờ 30 phút** ngày **07/05/2025 (Thứ tư)**

b) Địa điểm tổ chức phiên đấu giá: tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

9. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: 200.000 đồng/hồ sơ

b) Tiền đặt trước: **20%** giá khởi điểm của lô đất

c) Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

- Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 09 giờ 30 phút ngày **11/4/2025**

- Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày **29/4/2025**

10. Hình thức, phương thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá.

a) Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá.

b) Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

c) Bước giá: 05% giá khởi điểm của từng vòng đấu

d) Số vòng đấu: nhiều vòng cho đến khi không còn người tiếp tục trả giá

11. Việc áp dụng bước giá tại các lần trả giá: Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu giữa những lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Mức Bước giá được áp dụng cụ thể cho mỗi vòng đấu là: 05%.

12. Cách ghi phiếu trả giá: Tại phiên đấu giá, ở mỗi vòng đấu, khách hàng tham gia đấu giá được 01 phút để ghi phiếu trả giá, khách hàng phải ghi đầy đủ thông tin theo mẫu phiếu mà Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước đã phát hành.

- Giá trả bằng số và bằng chữ. Giá trả bằng số và bằng chữ phải khớp với nhau, trường hợp không khớp với nhau thì phiếu trả giá không hợp lệ;

- Trường hợp từ vòng đấu số 2 trở đi, khách hàng không có nhu cầu trả giá thêm thì ghi từ “Rút” vào phần Giá trả của phiếu trả giá.

- Mức trả giá hợp lệ:

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu đầu tiên từ mức trả: Tối thiểu bằng giá khởi điểm

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu tiếp theo từ mức trả: Giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề + Bước giá trở lên.

+ Khách hàng không trả giá ở vòng đấu trước hoặc phiếu trả giá không hợp lệ sẽ không được tham gia trả giá ở vòng tiếp theo.

13. Phiếu trả giá hợp lệ, Phiếu trả giá không hợp lệ:

a) Phiếu trả giá hợp lệ



- Mẫu phiếu trả giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành hành (Phiếu được in theo mẫu, có đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ở góc bên trái của phiếu). Nếu người tham gia đấu giá sử dụng phiếu khác là không hợp lệ.

- Mức giá trả hợp lệ phải đúng theo mức quy định tại mục 12 của Thông báo này;
- Phiếu trả giá phải ghi đầy đủ nội dung quy định phiếu trả giá;
- Phiếu trả giá có chữ ký và ghi rõ họ tên của người trả giá;
- Số tiền ghi trong phiếu trả giá phải phải khớp cả về số và chữ, giá phải trả ghi trong phiếu trả giá ít nhất phải bằng giá tối thiểu phải trả hợp lệ tại vòng đấu giá đấu giá đó;
- Phiếu trả giá được bỏ vào đúng thùng phiếu và đúng thời gian theo quy định.

b) *Phiếu trả giá không hợp lệ*: Trường hợp giá trả không đáp ứng đủ điều kiện điểm a mục 13 Thông báo này thì giá trả được xem như không hợp lệ.

Khách hàng có nhu cầu xin liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước - ĐT: 0271.3860216.

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thiên Long

DANH SÁCH CHI TIẾT 24 THỬA ĐẤT TẠI KHU TTHC ĐỒNG XOÀI

Tên khu đất	Thông tin thửa đất		Khu vực	Loại đất	Tên đường/Đoạn đường	Vị trí	Phạm vi	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)	
	Số thửa/số lô	Số tờ										
Cụm M1-4	Thửa số 13 (lô 8b)	19	150,7	1	ODT	Đường Đoàn Thị Điểm (Toàn tuyến)	1	130	12.500.000	1.625.000.000	1.754.375.000	
	Lô số 1	15	142,5	1	ODT		2	20,7	6.250.000	129.375.000		
	Lô số 2	15	142,5	1	ODT		1	125	8.600.000	1.075.000.000		
	Lô số 3	15	142,5	1	ODT		2	17,5	4.300.000	75.250.000		
Cụm M1-2	Lô số 3	15	142,5	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	125	8.600.000	1.075.000.000	1.150.250.000	
	Lô số 4	15	142,5	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	17,5	4.300.000	75.250.000		
	Lô số 5	15	142,5	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	125	8.600.000	1.075.000.000		
	Lô số 6	15	138,0	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	17,5	4.300.000	75.250.000		
Cụm N4-4	Lô số 26	15	298,8	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1 (giáp 2 đường)	1	120,5	10.320.000	1.243.560.000	1.333.860.000
	Lô số 27	15	326,3	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	17,5	5.160.000	90.300.000		
	Lô số 28	15	280,4	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	250,0	6.900.000	1.725.000.000		
	Lô số 29	15	26,3	2	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	48,8	3.450.000	168.360.000			
Cụm N4-5	Thửa số 1 (lô 1a)	15	147,8	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	135,8	10.320.000	1.401.456.000	1.463.376.000	
	Thửa số 2 (lô 1b)	15	138,1	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	12,0	5.160.000	61.920.000		
	Thửa số 3 (lô 2a)	15	138,0	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 4 (lô 2b)	15	137,9	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,6	4.300.000	45.580.000		
Cụm N4-5	Thửa số 5 (lô 3a)	15	137,9	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.141.650.000	
	Thửa số 6 (lô 3b)	15	137,8	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,5	4.300.000	45.150.000		
	Thửa số 7 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 8 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,4	4.300.000	44.720.000		
Cụm N4-5	Thửa số 9 (lô 4a)	15	137,9	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.141.220.000	
	Thửa số 10 (lô 4a)	15	137,8	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,4	4.300.000	44.720.000		
	Thửa số 11 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 12 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 13 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 14 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 15 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 16 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 17 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 18 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 19 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 20 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 21 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 22 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 23 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 24 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 25 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 26 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 27 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 28 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 29 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 30 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 31 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 32 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 33 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 34 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 35 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 36 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 37 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 38 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 39 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 40 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 41 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 42 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 43 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 44 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 45 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 46 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 47 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 48 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 49 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 50 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 51 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 52 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 53 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 54 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 55 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 56 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 57 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 58 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 59 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 60 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 61 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 62 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 63 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 64 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 65 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 66 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 67 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 68 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 69 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 70 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 71 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 72 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 73 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 74 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
	Thửa số 75 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000		
	Thửa số 76 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	2	10,3	4.300.000	44.290.000		
Cụm N4-5	Thửa số 77 (lô 4a)	15	137,7	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.140.790.000	
	Thửa số 78 (lô 4											

Tên khu đất	Thông tin thửa đất		Khu vực	Loại đất	Tên đường/Đoạn đường	Vị trí	Phạm vi	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)	Giá khởi điểm (đồng)	
	Số thửa/số lô	Số tờ										
Cụm N4-5	Thửa số 8 (lô 4b)	15	137,6	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.139.930.000
							2	10,1	4.300.000	43.430.000		
	Thửa số 9 (lô 5a)	15	137,5	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.139.500.000
							2	10,0	4.300.000	43.000.000		
	Thửa số 10 (lô 5b)	15	137,4	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.139.070.000
							2	9,9	4.300.000	42.570.000		
	Thửa số 14 (lô 7b)	15	137,1	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.137.780.000
							2	9,6	4.300.000	41.280.000		
	Thửa số 15 (lô 8a)	15	137,2	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.138.210.000
							2	9,7	4.300.000	41.710.000		
	Thửa số 16 (lô 8b)	15	137,3	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.138.640.000
							2	9,8	4.300.000	42.140.000		
	Thửa số 17 (lô 9a)	15	137,4	1	ODT	Đường quy hoạch số 4 (Thửa đất hướng Bắc) khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố (Đường Nguyễn Hữu	1	1	127,5	8.600.000	1.096.500.000	1.139.070.000
							2	9,9	4.300.000	42.570.000		